

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ TRẮNG BÀNG
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 33/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 29-6-2020

V/v: “ly hôn, tranh chấp về nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ TRẮNG BÀNG, TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Tấn Đạt.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Đình Nhung;
2. Ông Vương Văn Mum.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Hoàng Liêm là Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Trảng Bàng tham gia phiên tòa:
Ông Nguyễn Văn Thương - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 6 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 674/2019/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 12 năm 2019 về “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 37/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 01 tháng 6 năm 2020, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Anh Nguyễn Hoàng N, sinh năm 1991; địa chỉ: Ấp C, xã TT, huyện Đ, tỉnh Cà Mau; vắng mặt.

2. *Bị đơn:* Chị Đặng Thị Thảo S, sinh năm 1995; địa chỉ: Ấp A (nay là khu phố A), xã AH (nay là phường AH), huyện TB (nay là thị xã TB), tỉnh Tây Ninh; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa nguyên đơn, chị Nguyễn Hoàng N trình bày: Anh và chị S qua một thời gian tìm hiểu thì tiến đến hôn nhân cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã TT, huyện Đ, tỉnh Cà Mau vào ngày 24 tháng 02 năm 2015. Sau khi kết hôn anh và chị S cùng nhau thuê nhà trọ sinh sống tại xã AT, huyện TB (nay là phường AT, thị xã TB), tỉnh Tây Ninh. Trong thời gian chung sống vợ chồng anh làm nghề xây dựng, chị S làm công nhân tại khu công nghiệp Trảng Bàng. Vợ chồng sống hạnh phúc được một thời gian đầu. Thời

gian về sau, anh và chị S bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh và chị S bất đồng quan điểm sống, tính tình không hợp nhau, chị S thường hay giận hờn và bỏ về gia đình chị S sinh sống. Đến ngày 28-12-2017, anh và chị S phát sinh mâu thuẫn trầm trọng, và có lời qua tiếng lại, lớn tiếng với nhau, chị S bỏ về gia đình cha mẹ ruột sống, từ đó anh và chị S sống ly thân cho đến nay, trong quá trình sống ly thân anh và chị S không có gặp nhau để hàn gắn đoàn tụ. Nay anh thấy đời sống hôn nhân với chị S không thể kéo dài mục đích hôn không thể đạt được. Thời gian chung sống vợ chồng, anh và chị S có hai con chung tên Nguyễn Trường T, sinh ngày 03-5-2015 và Nguyễn Thị Ngọc S1, sinh ngày 19-01-2017, hiện nay cháu T đang sống với anh, cháu S1 đang sống với chị S. Về tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về nợ chung, anh và chị S không có thiếu nợ ai, cũng như không ai thiếu nợ anh và chị S.

Nay anh yêu cầu ly hôn với chị Đặng Thị Thảo S. Khi ly hôn: Anh yêu cầu được tiếp tục nuôi con chung tên Nguyễn Trường T, sinh ngày 03-5-2015, anh đồng ý để chị S được tiếp tục nuôi con chung tên Nguyễn Thị Ngọc S1, sinh ngày 19-01-2017. Anh và chị S không ai cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung, nợ chung không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không đặt ra giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn chị Đặng Thị Thảo S trình bày: Chị thừa nhận lời trình bày của anh N là đúng về quan hệ hôn nhân, con chung, tài sản chung, nợ chung, nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn và thời gian vợ chồng sống ly thân. Nay chị đồng ý hôn với anh Nguyễn Hoàng N. Khi ly hôn: Chị yêu cầu được tiếp tục nuôi con chung tên Nguyễn Thị Ngọc S1, sinh ngày 19-01-2017, chị đồng ý để anh N được tiếp tục nuôi con chung tên Nguyễn Trường T, sinh ngày 03-5-2015. Chị và anh N không ai cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung, nợ chung không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị Trảng Bàng.

1. Việc tuân theo pháp luật tố tụng: Tòa án thụ lý giải quyết vụ án đúng thẩm quyền. Thẩm phán chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án; Hội đồng xét xử tiến hành xét xử đúng trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự và Thư ký phiên tòa thực hiện đúng nhiệm vụ và quyền hạn; Nguyên đơn, bị đơn thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình.

2. Việc giải quyết vụ án: Căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 56, Điều 82 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội; đề nghị Hội đồng xét xử quyết định:

Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh Nguyễn Hoàng N đối với chị Đặng Thị Thảo S. Anh Nguyễn Hoàng N được ly hôn chị Đặng Thị Thảo S.

Về con chung: Giao anh N tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Nguyễn Trường T, sinh ngày 03-5-2015. Giao chị S tiếp tục chăm sóc, nuôi

dưỡng, giáo dục cháu Nguyễn Thị Ngọc S1, sinh ngày 19-01-2017. Ghi nhận anh N và chị S không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có tranh chấp, nên không xem xét giải quyết.

Về án phí: Buộc anh Nguyễn Hoàng N phải chịu án phí sơ thẩm về hôn nhân.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên toà, Tòa án nhận định:

[1] Về tổ tụng:

Anh Nguyễn Hoàng N khởi kiện yêu cầu ly hôn, tranh chấp về nuôi con đối với chị Đặng Thị Thảo S. Tòa án thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

Anh Nguyễn Hoàng N và chị Đặng Thị Thảo S vắng mặt tại phiên tòa có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án là đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về hôn nhân: Anh N và chị S qua một thời gian tìm hiểu thì tiến đến hôn nhân cơ sở tự nguyện và có đăng kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã TT, huyện Đ, tỉnh Cà Mau vào ngày 24 tháng 02 năm 2015. Sau khi kết hôn anh N và chị S cùng nhau thuê nhà trọ sinh sống tại xã AT, huyện TB (nay là phường AT, thị xã TB), tỉnh Tây Ninh. Trong thời gian chung sống vợ chồng anh N là nghề xây dựng, chị S là công nhân tại khu công nghiệp Trảng Bàng. Vợ chồng sống hạnh phúc được một thời gian đầu. Thời gian về sau, anh N và chị S bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh N và chị S bất đồng quan điểm sống, tính tình không hợp nhau, chị S thường hay giận hờn và bỏ về gia đình chị S sinh sống. Đến ngày 28-12-2017, anh N và chị S phát sinh mâu thuẫn trầm trọng và có lời qua tiếng lại, lớn tiếng với nhau, chị S bỏ về gia đình cha mẹ ruột sống, từ đó anh N và chị S sống ly thân cho đến nay, trong quá trình sống ly thân anh N và chị S không có gặp nhau để hàn gắn đoàn tụ. Nay anh N nhận thấy đời sống hôn nhân với chị S không thể kéo dài mục đích hôn không thể đạt được. Nay anh Nguyễn Hoàng N yêu cầu ly hôn với chị Đặng Thị Thảo S.

Chị S thừa nhận lời trình bày của anh N là đúng về quan hệ hôn nhân, về con chung, tài sản chung, nợ chung, nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn và thời gian vợ chồng sống ly thân. Chị S cũng đồng ý ly hôn với anh N. Nhận thấy mâu thuẫn giữa anh N và chị S đã trầm trọng, đời sống hôn nhân không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Hoàng N được ly hôn với chị Đặng Thị Thảo S là phù hợp với Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Thời gian chung sống vợ chồng, anh N và chị S có hai con chung tên Nguyễn Trường T, sinh ngày 03-5-2015, hiện đang sống với anh

N và cháu Nguyễn Thị Ngọc S1, sinh ngày 19-01-2017, hiện đang sống chị S. Anh N đồng ý để chị S được tiếp tục nuôi con chung tên Nguyễn Thị Ngọc S1. Chị S đồng ý để anh N được tiếp tục nuôi con chung tên Nguyễn Trường T. Do đó, để tạo điều kiện và đảm bảo cho sự phát triển tâm sinh lý của cháu T và cháu S1. Cần giao anh N tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Nguyễn Trường T, sinh ngày 03-5-2015 và giao chị S được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Nguyễn Thị Ngọc S1, sinh ngày 19-01-2017. Ghi nhận anh N và chị S không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con là phù hợp với Điều 81 và Điều 82 của Luật hôn nhân và gia đình.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Anh N và chị S không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không đặt ra giải quyết.

[5] Về án phí: Anh Nguyễn Hoàng N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/NQ/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 56, Điều 81, 82 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh Nguyễn Hoàng N đối với chị Đặng Thị Thảo S. Anh Nguyễn Hoàng N được ly hôn chị Đặng Thị Thảo S.

2. Về con chung: Giao anh N tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Nguyễn Trường T, sinh ngày 03-5-2015 và giao chị S được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Nguyễn Thị Ngọc S1, sinh ngày 19-01-2017. Ghi nhận anh N và chị S không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Anh N và chị S có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Anh N và chị S không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không đặt ra giải quyết.

4. Về án phí: Anh Nguyễn Hoàng N phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn, tranh chấp nuôi con. Nhưng khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm mà anh N đã nộp 300.000 đồng, theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0017658 ngày 02 tháng 12 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trảng Bàng (nay là thị xã Trảng Bàng), tỉnh Tây Ninh; anh N đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Báo cho anh N và chị S biết được quyền kháng cáo bản án lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh trong thời hạn 15 ngày, kể từ kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- Đường sự;
- VKSND TX. Trảng Bàng;
- Chi cục THADS TX. Trảng Bàng;
- TAND tỉnh Tây Ninh;
- UBND xã TT, huyện Đ;
- Lưu VT;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

(ĐÃ KÝ)

Nguyễn Tấn Đạt